

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116/2024/HSST**

Ngày 09-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Na Na

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Hoàng Minh Tân

+ Ông Lê Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 93/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/HSST-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Thị Kim T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ C, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 06/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Minh T1; Con bà: Bùi Thị K; có chồng: Nguyễn Minh T2; có 02 con, con lớn sinh năm 1997 và con nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03-2-2024 đến ngày 07-2-2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Huyền C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ F, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Bùi Thị Thúy T4, sinh năm 1974; Địa chỉ: Hẻm B đường V, tổ D phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Hẻm B đường Q, tổ C đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Đào Thị Thu H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số H đường N, tổ E phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Dạ T5, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A đường P, tổ B phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Kha L, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ D, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số B đường Q, tổ C phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Phan Tấn H2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021 Đặng Thị Kim T bắt đầu cho vay tiền, thu lãi của những người vay trên địa bàn thành phố Q. Thông qua mối quan hệ quen biết gặp T để thỏa thuận vay tiền. Khi người vay tiền đồng ý vay thì T yêu cầu viết giấy mượn tiền và T cất giữ. Sau đó T sẽ giao tiền cho người vay. Lãi suất thỏa thuận bằng miệng dao động từ 0,3%/ngày đến 0,75%/ngày (tương đương với 111%/năm đến 274%/năm), gấp từ 5,5 đến 13,7 lần lãi suất pháp luật quy định là 0,0548%/ngày. Sau khi người vay đã nhận tiền vay, T sử dụng 04 cuốn vở để tại nhà để ghi số tiền vay và các lần trả lãi của người vay.

Với hình thức nêu trên Đặng Thị Kim T cho 08 người vay với tổng số tiền 728.000.000 đồng. Tổng số tiền đã thu từ người vay là 754.050.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền gốc thu từ người vay là 649.600.000 đồng; tổng số tiền lãi đã thu là 104.450.000 đồng; trong đó lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật 9.361.644 đồng; lãi suất vượt mức quy định là 95.088.356 đồng. Số tiền thu lợi bất chính do Đặng Thị Kim T thu được từ hoạt động cho vay lãi nặng là 95.088.356 đồng. Cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị T3 vay 05 lần với tổng số tiền vay 50.000.000 đồng; lãi suất 0,3 %/ngày (tương đương 111%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 904.110 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 4.095.890 đồng. Bà T3 đã trả xong nợ gốc. Đối với khoản vay lần thứ 6 của bà T3 với số tiền vay 15.000.000 đồng, lãi đã trả 1.500.000 đồng, thời hạn trả nợ 50 ngày. Đây là giao dịch dân sự, không thuộc trường hợp cho vay lãi nặng theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

2. Bà Bùi Thị Thúy T4 vay 12 lần với tổng số tiền vay 99.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 0,75%/ngày (tương đương với 122%/năm đến

274%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 90.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 14.900.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.449.315 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 13.450.685 đồng. Số tiền gốc bà T4 còn phải trả là 8.400.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị H, vay 17 lần với tổng số tiền vay 110.000.000 đồng lãi suất từ 0,50%/ngày đến 0,60%/ngày (tương đương với 183%/năm đến 219%/năm). Tổng số tiền lãi đã trả là 16.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.589.041 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 14.910.959 đồng. Bà H đã trả xong nợ gốc.

4. Bà Nguyễn Thị Huyền C (tên gọi khác Nguyễn Thị Huyền M) vay 01 lần với số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,40%/ngày (tương đương với 146%/năm). Số tiền gốc đã trả là 4.000.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 54.795 đồng; số tiền lãi vượt mức quy định là 945.205 đồng. Số tiền gốc còn phải trả là 6.000.000 đồng.

5. Bà Đào Thị Thu H1 vay 13 lần với tổng số tiền vay 126.000.000 đồng; lãi suất từ 0,38%/ngày đến 0,75%/ngày (tương đương với 137%/năm đến 274%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 113.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 17.900.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 1.610.959 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.289.041 đồng. Số tiền gốc bà H3 còn phải trả là 12.800.000 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Dạ H4 vay 07 lần với tổng số tiền vay 49.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/ngày (tương đương với 274%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 39.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.350.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 427.397 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.922.603 đồng. Số tiền gốc bà H4 còn phải trả là 10.000.000 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị Kha L vay 23 lần với tổng số tiền vay 204.000.000 đồng, lãi suất từ 0,50%/ngày đến 0,75%/ngày (tương đương với 183%/năm đến 274%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 170.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 29.800.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 2.328.767 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 27.471.233 đồng. Số tiền gốc bà L còn phải trả là 34.000.000 đồng.

8. Anh Nguyễn Văn P vay 08 lần với tổng số tiền vay 80.000.000 đồng, lãi suất 0,60%/ngày (tương đương với 219%/năm). Tổng số tiền gốc đã trả là 72.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo pháp luật quy định là 997.260 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 11.002.740 đồng. Số tiền gốc anh P còn phải trả là 7.200.000 đồng.

* *Tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:* 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 Z 5G, số Imei 1: 869904051613852; Imei 2: 869904051613845, bên trong máy gắn một thẻ sim có dãy số 8401190833075488. Số tiền 250.000 đồng; 01 (một) cuốn vở học sinh, trên trang bìa của cuốn sổ có ghi dòng chữ “ABC”, bên trong có một giấy mượn tiền, ghi tên người vay tiền là Nguyễn Thị T3 (Sinh năm: 1975, chỗ ở: Tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi); 01

(một) cuốn vở học sinh nhãn hiệu “HONG HA”, trên trang bìa có ghi dòng chữ “Ami”, bên trong ghi tên người vay tiền, số tiền vay và số ngày trả; 01 (một) cuốn vở học sinh nhãn hiệu “NGHE XUONG book”, trên trang bìa có ghi dòng chữ Monokuro Boo, bên trong có nhiều giấy mượn tiền, tên người vay tiền, số tiền vay; 01 (một) cuốn vở học sinh nhãn hiệu “HONG HA”, ở ngoài bìa có chữ “ABC”, bên trong có nhiều giấy mượn tiền, tên người vay tiền, số tiền vay; 01 (một) giấy mượn tiền, ghi tên người mượn tiền tên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/12/1978, chỗ ở: Hẻm B Q, TP Q và 01 (một) căn cước công dân bản photo có tên Nguyễn Thị T3.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Kim T phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35; 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim T từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

* *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47; 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO; tạm giữ số tiền 250.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Lưu hồ sơ vụ án 04 quyển vở và 01 căn cước công dân bản photo có tên Nguyễn Thị T3.

* *Về biện pháp tư pháp*:

- Tổng số tiền gốc bị cáo T đã thu của người vay là 649.600.000 đồng. Đây là tài sản liên quan đến việc phạm tội. Buộc bị cáo T phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền gốc đã thu 649.600.000 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc chưa trả với tổng số tiền là 78.400.000 đồng để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- + Bà Bùi Thị Thúy T4 nộp 8.400.000 đồng
- + Bà Bà Nguyễn Thị Huyền C (M) nộp: 6.000.000 đồng
- + Bà Đào Thị Thu H1 nộp 12.800.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Dạ H4 nộp 10.000.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Kha L nộp 34.000.000 đồng
- + Ông Nguyễn Văn P nộp 7.200.000 đồng

- Buộc bị cáo T trả lại số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự) cho những người vay với tổng số tiền 95.088.356 đồng, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị T3 4.095.890 đồng
- + Bà Bà Thị Thúy T4 nộp 13.450.685 đồng
- + Bà Nguyễn Thị H 14.910.959 đồng
- + Bà Bà Nguyễn Thị Huyền C (M) 945.205 đồng

- + Bà Đào Thị Thu H1 16.289.041 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Dạ H4 6.922.603 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Kha L 27.471.233 đồng
- + Ông Nguyễn Văn P 11.002.740 đồng

- Buộc bị cáo T phải nộp sung ngân sách nhà nước số tiền 9.361.644 đồng (tiền lãi đã thu theo quy định của pháp luật). Vì đây là số tiền phát sinh từ việc phạm tội của bị cáo.

* *Các vấn đề khác trong vụ án:* Trong quá trình cho vay, Đặng Thị Kim T còn cho anh Phan Tấn H2 mượn với số tiền 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Hữu S mượn 10.000.000 đồng. Bị cáo T chỉ cho 02 người này mượn tiền, không thu lãi. Đây là giao dịch dân sự không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận, đối đáp gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo T trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của bị cáo là sai trái, kính mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo với mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

I. Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, lời khai của họ đã thể hiện tại hồ sơ vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn

tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

II. Về nội dung vụ án:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để kết luận :

Từ năm 2021 đến ngày 02-02-2024 bị cáo T đã thực hiện giao dịch dân sự cho vay, cụ thể cho 08 người vay tiền với tổng số tiền 728.000.000 đồng; số tiền lãi thu được là 104.450.000 đồng (trong đó lãi đúng pháp luật 9.361.644 đồng; lãi vượt mức quy định 95.088.356 đồng), tương ứng với mức lãi suất do bị cáo T đã thực hiện là 111%/năm đến 274%/năm, vượt quá với mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (từ 5,5 đến 13,7 lần) và bị cáo T đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là 95.088.356 đồng.

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi suất như sau: “1. *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất...*”.

Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội: “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố là có căn cứ.

[2] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Đặng Thị Kim T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó cần có 01 mức hình phạt tương ứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, thuộc trường hợp quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo cần xử phạt bị cáo mức hình phạt là phạt tiền cũng đủ sức giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu, sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO; Reno6 Z 5 G, số Imei 1: 869904051613852; Imei 2: 869904051613845, bên trong có gắn 01 thẻ sim có dãy số 8401190833075488. Mẫu vật đựng trong 01 bì thư dán kín, bên ngoài đóng dấu niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh Q và có chữ ký, họ tên của giám định viên.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 250.000 đồng do phạm tội mà có, để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13-6-2024 và uỷ nhiệm chỉ ngày 20-8-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

- Lưu hồ sơ vụ án: 04 quyển vở và 01 căn cước công dân bản phô tô có tên Nguyễn Thị T3.

** Về biện pháp tư pháp:*

- Đối với số tiền gốc mà bị cáo T đã cho vay là 728.000.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 649.600.000 đồng. Xét thấy, đây là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo T phải nộp số tiền 649.600.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 9.361.644 đồng là tiền lãi do bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Nhưng khoản tiền này phát sinh từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo T phải nộp số tiền 9.361.644 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho bị cáo: Đây là phương tiện phạm tội nên buộc những người vay phải nộp để sung ngân sách nhà nước với tổng số tiền 78.400.000 đồng cụ thể:

+ Bà Bùi Thị Thúy T4 nộp 8.400.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Huyền C (M) nộp: 6.000.000 đồng

+ Bà Đào Thị Thu H1 nộp 12.800.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Dạ H4 nộp 10.000.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Kha L nộp 34.000.000 đồng

+ Ông Nguyễn Văn P nộp 7.200.000 đồng

- Đối với số tiền 95.088.356 đồng mà bị cáo đã thu lãi vượt quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đây là khoản tiền mà bị cáo T thu lợi bất chính của những người vay. Buộc bị cáo T phải trả lại cho những người vay, cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị T3 4.095.890 đồng

+ Bà Bùi Thị Thúy T4 nộp 13.450.685 đồng

- + Bà Nguyễn Thị H 14.910.959 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Huyền C (M) 945.205 đồng
- + Bà Đào Thị Thu H1 16.289.041 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Dạ H4 6.922.603 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Kha L 27.471.233 đồng
- + Ông Nguyễn Văn P 11.002.740 đồng

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về tội danh, xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo T là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về mức hình phạt đề nghị thì có phần quá nghiêm.

[6] Về án phí: Bị cáo Đặng Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Kim T phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim T 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tuyên tịch thu, sung quỹ: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO; Ren no6 Z 5 G , số Imei 1: 869904051613852; Imei 2: 869904051613845, bên trong có gắn 01 thẻ sim có dãy số 8401190833075488. Mẫu vật đựng trong 01 bì thư dán kín, bên ngoài đóng dấu niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh Q và có chữ ký, họ tên của giám định viên.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 250.000 đồng do phạm tội mà có, để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13-6-2024 và uỷ nhiệm chi ngày 20-8-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).

- Lưu hồ sơ vụ án: 04 quyển vở và 01 căn cước công dân bản photo tên Nguyễn Thị T3.

** Về biện pháp tư pháp:*

- Đối với số tiền gốc mà bị cáo T đã cho vay là 728.000.000 đồng, nhưng mới thu lại được là 649.600.000 đồng. Xét thấy, đây là phương tiện phạm tội nên buộc bị cáo T phải nộp số tiền 649.600.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 9.361.644 đồng là tiền lãi do bị cáo đã thu đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Nhưng khoản tiền này phát sinh từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo T phải nộp số tiền 9.361.644 đồng để sung ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho bị cáo: Đây là phương tiện phạm tội nên buộc những người vay phải nộp để sung ngân sách nhà nước với tổng số tiền 78.400.000 đồng cụ thể:

- + Bà Bùi Thị Thúy T4 nộp 8.400.000 đồng
- + Bà Bà Nguyễn Thị Huyền C (M) nộp: 6.000.000 đồng
- + Bà Đào Thị Thu H1 nộp 12.800.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Dạ H4 nộp 10.000.000 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Kha L nộp 34.000.000 đồng
- + Ông Nguyễn Văn P nộp 7.200.000 đồng

- Đối với số tiền 95.088.356 đồng mà bị cáo đã thu lãi vượt quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đây là khoản tiền mà bị cáo T thu lợi bất chính của những người vay. Buộc bị cáo T phải trả lại cho những người vay, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Thị T3 4.095.890 đồng
- + Bà Bà Thị Thúy T4 nộp 13.450.685 đồng
- + Bà Nguyễn Thị H 14.910.959 đồng
- + Bà Bà Nguyễn Thị Huyền C (M) 945.205 đồng
- + Bà Đào Thị Thu H1 16.289.041 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Dạ H4 6.922.603 đồng
- + Bà Nguyễn Thị Kha L 27.471.233 đồng
- + Ông Nguyễn Văn P 11.002.740 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- CQCSĐT CATP Quảng Ngãi;
- CATP Quảng Ngãi (Bộ phận lưu trữ, NV);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Lê Thị Na Na